

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **43** /2025/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày **23** tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 3542/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 ban

hành kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 478/BC-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 2 như sau:

“3. Tăng cường nguồn lực cho ngân sách các cấp, tạo điều kiện chủ động cho các cấp ngân sách trong quá trình thực hiện quản lý khai thác nguồn thu và sử dụng ngân sách phục vụ nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội ở các cấp, các đơn vị. Song phải đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách cấp tỉnh trong hệ thống ngân sách chính quyền địa phương và chủ động của ngân sách cấp xã”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, Điều 2 như sau:

“5. Ngân sách cấp xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, Điều 2 như sau:

“6. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; trường hợp cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi của mình thì phải phân bổ và giao dự toán cho cơ quan cấp dưới được ủy quyền để thực hiện nhiệm vụ chi đó. Cơ quan nhận kinh phí ủy quyền phải quyết toán với cơ quan ủy quyền khoản kinh phí này.

- Thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách và số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới trên cơ sở bảo đảm công bằng, phát triển cân đối giữa các vùng, các địa phương.

- Trong thời kỳ ổn định ngân sách:

+ Không thay đổi tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách;

+ Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp trên, cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới so với năm đầu thời kỳ ổn định;

+ Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được xác định theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách; khả năng của ngân sách cấp trên và khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương cấp dưới;

+ Các địa phương được sử dụng nguồn tăng thu hằng năm mà ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp để tăng chi thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đối với số tăng thu so với dự toán thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các quy định hiện hành.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 3 như sau:

“1. Thuế tài nguyên; Thuế tài nguyên nước của các tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu.

2. Thuế giá trị gia tăng của các tổ chức, doanh nghiệp (*bao gồm cả các doanh nghiệp vắng lai*) do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu.

3. Thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp có vốn nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các đơn vị khác do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu.

4. Lệ phí môn bài thu từ các tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu.”

5. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 5 như sau:

“Điều 5. Các khoản thu ngân sách xã, phường (*gọi chung là cấp xã*) hưởng 100%”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 5 như sau:

“3. Thu từ các hoạt động sự nghiệp của xã, phường phân nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, Điều 5 như sau:

“5. Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường ra quyết định xử phạt, tịch thu”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, Điều 5 như sau:

“6. Các khoản huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp theo quy định của pháp luật; đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách cấp xã; các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do Hội đồng nhân dân xã, phường quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 8, Điều 5 như sau:

“8. Tiền đền bù thiệt hại đất từ quỹ đất công ích do xã, phường quản lý”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 9, Điều 5 như sau:

“9. Thuế thu nhập cá nhân của cán bộ, công chức, viên chức xã, phường; thuế thu nhập cá nhân do các cơ quan, tổ chức khấu trừ tại nguồn để nộp ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước.”

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 11, Điều 5 như sau:

“11. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp xã”.

12. Sửa đổi tên Điều 6 như sau:

“Điều 6. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh - ngân sách cấp xã”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách

Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết này”.

14. Bổ sung điểm f vào sau điểm e khoản 1 Điều 8 như sau:

“f) Chương trình mục tiêu Quốc gia, Chương trình mục tiêu được phân cấp theo quy định”.

15. Sửa đổi khoản 9, Điều 9 như sau:

“9. Sự nghiệp bảo vệ môi trường: Các nội dung theo Điều 2 Nghị quyết số 47/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường sử dụng ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Lai Châu”.

16. Sửa đổi khoản 13 Điều 9 như sau:

“13. Chi hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.”

17. Sửa đổi khoản 3, Điều 10 như sau:

“3. Chi bổ sung cho ngân sách xã, phường.”

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 14 như sau:

“1. Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, duy tu, sửa chữa các công trình phúc lợi xã hội do xã, phường quản lý. Riêng đối với các phường Đoàn Kết, Tân Phong được phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi công cộng, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông nội thị, an toàn giao thông, vệ sinh đô thị.”

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Chi thường xuyên cho các lĩnh vực

(1) Chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội thuộc cấp xã.

(2) Chi sự nghiệp giáo dục: Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông (*tiểu học, trung học cơ sở*) và chi sự nghiệp giáo dục khác do cấp xã quản lý.

(3) Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: Trung tâm Chính trị; đào tạo lại cán bộ, đào tạo nghề xã hội, đào tạo cho lao động nông thôn do cấp xã quản lý.

(4) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Chi cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ (*trừ nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ*).

(5) Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: Tổ chức các hoạt động nghệ thuật và giải trí, hội thi hội diễn và các hoạt động văn hóa khác do cấp xã quản lý.

(6) Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác do cấp xã quản lý.

(7) Sự nghiệp thể dục, thể thao: Bao gồm bồi dưỡng, tập huấn tổ chức các giải thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác do cấp xã quản lý.

(8) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: Các nội dung theo Điều 3, Điều 4 Nghị quyết số 47/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường sử dụng ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

(9) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp xã quản lý, gồm:

- Sự nghiệp thị chính: Xây dựng, duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống thoát nước, công viên cây xanh, chăm sóc cây xanh và các sự nghiệp thị chính khác do cấp xã quản lý.

- Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu, đường và các công trình giao thông khác do cấp xã quản lý; lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp xã quản lý.

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: Duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, chi hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do cấp xã quản lý; chi thực hiện các đề án, nghị quyết phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp do Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

- Sự nghiệp tài nguyên: Chi quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước; đo đạc địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất hàng năm; thống kê, kiểm kê đất đai định kỳ theo quy định của Luật Đất đai; xây dựng giá đất; quản lý, tập huấn, tuyên truyền, thu thập, xử lý thông tin, lưu trữ, cập nhật và cung cấp tư liệu đo đạc bản đồ và quản lý đất đai do cấp xã quản lý.

- Sự nghiệp kinh tế khác: Chi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp kinh tế thuộc cấp xã, chi cho công tác lập quy hoạch theo từng lĩnh vực do cấp xã thực hiện và chi các chương trình kinh tế khác do cấp xã quản lý.

- Hoạt động thương mại, du lịch do cơ quan, đơn vị cấp xã thực hiện.

- Các sự nghiệp kinh tế khác.

(10) Chi đảm bảo xã hội: Bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật; các hoạt động xã hội không tập trung như cứu tế xã hội, cứu đói giáp hạt; thăm hỏi các đối tượng chính sách nhân ngày lễ, tết; chi mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng bảo trợ xã hội và các chính sách an sinh xã hội do cấp xã quản lý.

(11) Chi quản lý hành chính của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng do cấp xã quản lý.

(12) Chi hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã.

(13) Các khoản chi thường xuyên khác ở cấp xã theo quy định của pháp luật.”

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Các khoản chi khác của ngân sách cấp xã

(1) Chi chuyển nguồn ngân sách xã, phường năm trước sang năm sau.

(2) Chi sự nghiệp trong chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu và Đề án, Nghị quyết, nhiệm vụ bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh.

(3) Chi bổ sung các quỹ nhà nước được trích lập theo quy định của pháp luật.

(4) Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

(5) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.”

Điều 2. Bãi bỏ Điều 4, Điều 11, Điều 12, Điều 13 của Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
2. Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 71/2024/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 và Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, kỳ họp thứ ba mươi thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Giàng Páo Mỹ



PHỤ LỤC

TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2022-2025

(Kèm theo Nghị quyết số **43** /2025/NQ-HĐND ngày **23** tháng **7** năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ phân chia (%)	
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường
1	Thu từ doanh nghiệp do Trung ương quản lý		
a	Thuế giá trị gia tăng	100	
b	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100	
c	Thuế tài nguyên	100	
d	Lệ phí môn bài	100	
2	Thu từ doanh nghiệp do địa phương quản lý, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Công ty Cổ phần và chi nhánh các doanh nghiệp tỉnh khác đóng trên địa bàn tỉnh do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu		
a	Thuế giá trị gia tăng	100	
b	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100	
c	Thuế tài nguyên	100	
d	Lệ phí môn bài	100	
-	Thu hoàn vốn (Doanh nghiệp có vốn tham gia của Nhà nước)	100	
3	Thu hoạt động kinh doanh của hộ gia đình, cá nhân (Không kể hoạt động kinh doanh vận tải)		
a	Thuế giá trị gia tăng	100	
b	Thuế tài nguyên	100	
c	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100	
d	Lệ phí môn bài	30	70
4	Thuế thu từ hoạt động kinh doanh vận tải của các cá nhân, hộ kinh doanh		100
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100	
6	Thuế bảo vệ môi trường	100	
7	Thuế thu nhập cá nhân		
a	Người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu; Cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh	100	
b	Người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do cơ quan cấp xã quản lý thu thuế; Cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị cấp xã		100
c	Thu nhập cá nhân từ quà tặng và thừa kế	100	
d	Thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản	100	
đ	Thuế thu nhập cá nhân do các cơ quan, tổ chức khấu trừ tại nguồn để nộp ngân sách nhà nước		



STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ phân chia (%)	
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường
-	Do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu thuế và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước	100	
-	Do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do cơ quan cấp xã quản lý thu thuế và do UBND xã, phường thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước		100
e	Thuế thu nhập cá nhân từ các khoản thu nhập khác	100	
8	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	100	
	Riêng thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước đối với hoạt động khoáng sản	100	
9	Thu tiền sử dụng đất (không kể thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với nhà trên đất hoặc tài sản khác trên đất thuộc sở hữu nhà nước)		
-	Thu từ quỹ đất tạo ra bởi các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất do cấp tỉnh thực hiện	100	
-	Thu từ việc nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn cấp xã	100	
-	Thu từ dự án đầu tư có sử dụng đất giao cho các doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư các dự án trên địa bàn cấp xã	100	
10	Thu tiền từ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	100	
11	Thuế thu nhập chuyển quyền sử dụng đất do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế nộp	100	
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
-	Các tổ chức kinh tế nộp	100	
-	Các hộ gia đình nộp		100
13	Lệ phí trước bạ		
-	Lệ phí trước bạ nhà, đất	30	70
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy	100	
-	Lệ phí trước bạ khác	100	
14	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	30	70
15	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
a	Tiền cho thuê nhà	100	
b	Tiền bán nhà ở	100	
16	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật)	100	
17	Thu từ bán tài sản khác	100	
18	Thu từ xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán	100	
19	Phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản	100	
20	Các khoản Phí theo quy định của pháp luật		



STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ phân chia (%)	
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường
-	Do các đơn vị cấp tỉnh thu	100	
-	Do các đơn vị cấp xã, phường thu		100
21	Các khoản Lệ phí theo quy định của pháp luật (trừ Lệ phí trước bạ nhà, đất; Lệ phí môn bài thu từ hoạt động kinh doanh hộ gia đình, cá nhân)		
-	Do các đơn vị cấp tỉnh thu	100	
-	Do các đơn vị cấp xã thu		100
22	Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước địa phương ra quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu		
-	Thu phạt, tịch thu do cơ quan cấp tỉnh quản lý ra quyết định	100	
-	Thu phạt, tịch thu do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định		100
23	Huy động, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước (theo quy định của pháp luật)		
-	Nộp ngân sách tỉnh	100	
-	Nộp ngân sách xã, phường		100
24	Viện trợ không hoàn lại của tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài theo quy định của pháp luật		
-	Nộp ngân sách tỉnh	100	
-	Nộp ngân sách xã, phường		100
25	Thu hoạt động sự nghiệp theo quy định của pháp luật		
-	Do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thu	100	
-	Do UBND xã, phường thu		100
26	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản		100
27	Thu từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh	100	
28	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau		
-	Chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh	100	
-	Chuyển nguồn ngân sách xã, phường		100
29	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		
-	Ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh	100	
-	Ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách xã, phường		100
30	Thu kết dư ngân sách năm trước		
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh	100	
-	Kết dư ngân sách cấp xã		100
31	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phần ngân sách địa phương được hưởng (30% số thu đối với giấy phép do Trung ương cấp, 100% số thu đối với giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp); Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật.	100	



STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ phân chia (%)	
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường
32	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại các công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do UBND tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do UBND tỉnh đại diện chủ sở hữu.	100	
33	Thu khác từ đất		
-	Tiền đền bù thiệt hại đất từ quỹ đất công do cấp tỉnh quản lý	100	
-	Tiền đền bù thiệt hại đất từ quỹ đất công ích do xã, phường quản lý		100
34	Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật		
-	Thu khác của ngân sách cấp tỉnh	100	
-	Thu khác của ngân sách xã, phường		100